

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 31

B-C.T
TY
HỮU N
DINH
NAM
TP.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Hoàng Anh	Chủ tịch
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó Chủ tịch
Ông Trần Văn Long	Ủy viên
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Bình	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Lê Hoàng Anh	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó Tổng giám đốc
Bà Phạm Thị Cẩm Anh	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Vinh Hiền	Phó Tổng giám đốc
Ông Trần Văn Long	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM



Phạm Thị Cẩm Anh

Phó Tổng giám đốc

Giấy ủy quyền số 09... ngày 16/06/2017

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2017

Số: **SJS** -17/BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày **4** tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 06 tháng 07 năm 2017 từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.11 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, khoản Công ty mua lại 20% vốn góp của Ông Nguyễn Tất Lạc tại Công ty TNHH Chackkaphanh Mining Group (nay là Công ty TNHH Huatangnai Mining Group) theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23/6/2010 với giá trị là 77.022.500.000 đồng đã được Hội đồng quản trị Công ty đánh giá là một khoản tổn thất theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 10/2015/BB-HĐQT ngày 25/12/2015 và Công ty đã thực hiện ghi nhận 50% giá trị khoản tổn thất tương ứng với giá trị 38.511.250.000 đồng vào Chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả kinh doanh năm 2015. Phần còn lại của khoản tổn thất nêu trên được Công ty ghi nhận vào khoản mục Chi phí trả trước dài hạn và thực hiện kết chuyển vào kết quả kinh doanh năm 2016 với giá trị 6.000.000.000 đồng. Với những tài liệu hiện có tại Công ty và bằng các thủ tục kiểm toán chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng để đánh giá tính hiện hữu của khoản đầu tư nêu trên và không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định khoản đầu tư nêu trên là tổn thất. Do đó chúng tôi không thể xác định được các ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến các chỉ tiêu có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Công ty.

Với những tài liệu hiện có tại Công ty chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến về khoản công nợ phải trả người bán mà Công ty xác định là không phải trả được ghi nhận vào thu nhập khác với giá trị 3.265.741.627 đồng. Do đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng về giá trị có thể thu hồi khoản phải thu khác của Công ty TNHH Phong Thịnh liên quan đến hợp đồng Dây truyền tuyến nổi quảng đồng số 09/2010 ngày 08/09/2010; Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011; Phụ lục hợp đồng 02 ngày 22/03/2011 với số dư tại ngày 31/12/2016 là 11.347.160.000 đồng cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá giá trị dự phòng cần trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư khoản mục Dự phòng phải thu khó đòi cho khoản phải thu nêu trên hay không.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 30/03/2016 với ý kiến chấp nhận toàn phần có đoạn Vấn đề cần nhấn mạnh về việc Công ty xác định khoản thanh toán số tiền 77.022.500.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23/6/2010 giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam) và Ông Nguyễn Tất Lạc là một khoản tổn thất và đã thực hiện phân bổ 50% khoản thanh toán nói trên vào chi phí kinh doanh trong năm 2015.



Phạm Ngọc Toàn
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2013-034-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Phạm Thị Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2013-034-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		481.951.657.028	933.831.889.161
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	105.782.587.930	322.054.726.009
1 Tiền	111		41.090.219.930	217.792.332.009
2 Các khoản tương đương tiền	112		64.692.368.000	104.262.394.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		228.694.143.525	264.503.412.681
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	185.572.678.131	203.138.019.384
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	5.990.710.488	12.966.812.477
3 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		56.300.000.000	55.800.000.000
4 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	41.856.310.806	53.624.136.720
5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(61.025.555.900)	(61.025.555.900)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8.	116.630.059.953	317.119.836.156
1 Hàng tồn kho	141		116.630.059.953	317.119.836.156
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.844.865.620	30.153.914.315
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12.	125.102.887	129.162.697
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		30.669.416.969	27.407.995.513
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.16.	50.345.764	2.616.756.105
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		250.218.252.987	272.271.463.397
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14.500.000	404.500.000
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2.	145.165.493	145.165.493
2 Phải thu dài hạn khác	216	V.6.	404.500.000	404.500.000
3 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(535.165.493)	(145.165.493)
II. Tài sản cố định	220		19.027.483.412	24.158.972.240
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.9.	19.027.483.412	24.158.972.240
- Nguyên giá	222		44.469.480.228	47.616.439.697
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.441.996.816)	(23.457.467.457)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10.	881.367.500	1.800.459.500
- Nguyên giá	231		881.367.500	1.800.459.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11.	154.731.240.235	157.365.000.095
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		154.731.240.235	157.365.000.095
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.4.	28.741.894.721	28.741.894.721
1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		22.541.394.721	22.541.394.721
2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		6.200.500.000	6.200.500.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		46.821.767.119	59.800.636.841
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12.	33.246.767.119	39.716.964.210
2 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	1.983.672.631
3 Lợi thế thương mại	269		13.575.000.000	18.100.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		732.169.910.015	1.206.103.352.558

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		383.727.466.076	865.783.946.970
I. Nợ ngắn hạn	310		380.767.141.076	767.752.264.579
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14.	212.817.791.634	325.719.346.806
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15.	24.135.920.955	270.103.868.337
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16.	6.922.613.188	6.685.507.780
4 Phải trả người lao động	314		179.714.927	744.533.747
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17.	34.722.445.302	70.438.901.445
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18.	48.469.236.613	39.616.373.778
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13.	52.091.491.449	51.934.737.268
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.427.927.008	2.508.995.418
II. Nợ dài hạn	330		2.960.325.000	98.031.682.391
1 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13.	2.960.325.000	98.031.682.391
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		348.442.443.939	340.319.405.588
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19.	348.442.443.939	340.319.405.588
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		59.696.774.500	59.696.774.500
3 Cổ phiếu quỹ	415		(21.098.433.409)	(21.089.302.618)
4 Quỹ đầu tư phát triển	418		25.183.653.303	25.183.653.303
5 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.232.251.900	4.232.251.900
6 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(6.418.393.171)	(9.143.373.758)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(20.667.762.943)	(4.251.112.797)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		14.249.369.772	(4.892.260.961)
7 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
8 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		86.846.590.816	81.439.402.261
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		732.169.910.015	1.206.103.352.558

Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2017

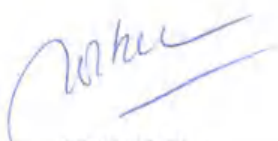
CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa Vinh



Lê Hoài Thu

Phó Tổng giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN
HỒNG HÀ
VIỆT NAM
H. TỰ LIÊM - T. HÀ NỘI

Phạm Thị Cẩm Anh

Mẫu số B 02 - DN /HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	757.881.893.935	1.018.600.369.211
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	4.422.034.763	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.3.	753.459.859.172	1.018.600.369.211
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.4	682.327.264.128	912.892.185.739
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20		71.132.595.044	105.708.183.472
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	5.006.566.356	6.087.212.723
7 Chi phí tài chính	22	VI.6	2.329.813.093	6.860.116.425
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.323.635.032	6.840.417.592
8 Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9 Chi phí bán hàng	25	VI.9	291.174.870	404.742.536
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9	46.848.794.953	98.789.798.811
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		26.669.378.484	5.740.738.423
12 Thu nhập khác	31	VI.7	3.843.900.741	10.883.852.452
13 Chi phí khác	32	VI.8	161.357.517	7.826.949.829
14 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.682.543.224	3.056.902.623
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		30.351.921.708	8.797.641.046
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	6.958.108.770	3.897.968.026
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.983.672.631	(1.805.047.426)
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		21.410.140.307	6.704.720.446
19 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		14.249.369.772	(4.892.260.961)
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		7.160.770.535	11.596.981.407
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	733,91	(318,36)

Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Hoa Vinh

Lê Hoài Thu

Phạm Thị Cẩm Anh



(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		30.351.921.708	8.797.641.046
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		10.633.316.051	7.413.216.901
- Các khoản dự phòng	03		390.000.000	18.307.667.400
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		6.178.061	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.922.532.437)	(6.719.941.177)
- Chi phí lãi vay	06		2.323.635.032	6.840.417.592
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		38.782.518.415	34.639.001.762
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		48.757.092.386	(61.890.121.786)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		200.489.776.203	(102.435.752.684)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(391.103.858.019)	341.342.488.106
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.474.256.901	39.268.374.567
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.323.635.032)	(6.840.417.592)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.536.198.163)	(3.017.951.124)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.581.444.991)	(2.961.279.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(107.041.492.300)	238.104.342.249
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(24.468.565.213)	(27.137.199.929)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		873.636.364	1.145.454.546
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(500.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.987.534.341	6.087.212.723
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19.107.394.508)	(19.904.532.660)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		8.520.000.000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		211.550.970.908	591.421.319.309
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(306.465.574.118)	(572.318.810.620)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.722.470.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(90.117.073.210)	19.102.508.689
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(216.265.960.018)	237.302.318.278
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		322.054.726.009	84.752.407.731
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		(6.178.061)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	105.782.587.930	322.054.726.009

Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM


Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Hoa Vinh



Lê Hoài Thu



Phạm Thị Cẩm Anh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam, tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005, thay đổi lần thứ 14 ngày 13 tháng 01 năm 2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 13 tháng 01 năm 2016 thì vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng chẵn).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty là: Xây lắp và kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh dịch vụ bất động sản;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110 KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương);

Trụ sở chính của Công ty

Địa chỉ: 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng. Riêng chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi và thi công cơ giới các công trình của công ty thông thường là trên 12 tháng.

5. Cấu trúc tập đoàn

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

STT	Tên Công ty	Địa chỉ
1.	Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam	96/108 Đường Trục, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Thông tin chi tiết về các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 như sau:

1. Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội
Địa chỉ: Số 18, ngõ 4, phố Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội
Hoạt động chính: xây lắp
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 75,50%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 75,50%
2. Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí
Địa chỉ: Khu đô thị Tứ Hiệp, Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Hoạt động chính: kinh doanh bất động sản
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 62,44%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 62,44%

3. Công ty Công ty Cổ phần Sản xuất Cửa Hoa Kỳ
Địa chỉ: Cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro, Lê Chi, Gia Lâm, Hà Nội
Hoạt động chính: sản xuất cửa và kinh doanh thương mại
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 57,14%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 57,14%

Thông tin chi tiết về công ty liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 như sau:

1. Công ty Cổ phần Sông Đáy - Hồng Hà Dầu Khí
Địa chỉ: Số 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội
Hoạt động chính: sản xuất gạch bê tông nhẹ
Tỷ lệ phần sở hữu của Công ty: 43,83%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 43,83%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Riêng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập tại ngày 31/12/2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua công ty con hoặc mua các công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được trình bày riêng như một tài sản khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Giá gốc của lợi thế thương mại phát sinh là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 31/12/2016, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá. ✓

5. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ

5.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
- Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25
- Máy móc, thiết bị	03 - 10
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty bao là quyền sử dụng đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Công ty không khấu hao đối với Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí đầu tư xây dựng dự án cao ốc Văn phòng 407 Nguyễn An Ninh, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí: chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ, khoản tổn thất do khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HDCN giữa Công ty và Ông Nguyễn Tất Lạc chờ phân bổ và các chi phí trả trước khác.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty với công ty liên doanh, liên kết.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Các khoản vay, nợ thuế tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí các công trình, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn của các công trình tuân thủ các nguyên tắc:

Công ty chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn cho các công trình, hạng mục đã hoàn thành. Chi phí trích trước vào giá vốn là các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng. Số chi phí trích trước được tạm tính đảm bảo tương ứng với giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của công trình, hạng mục đã hoàn thành..

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế và được sử dụng vào việc khen thưởng hoặc các mục đích khác phục vụ công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty là doanh thu bán bất động sản, doanh thu bán hàng hóa, doanh thu cung cấp dịch vụ xây lắp và doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu chuyển bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay, thu cổ tức.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức căn cứ vào các thông báo chia cổ tức, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản được ghi nhận theo chi phí phát sinh thực tế của từng căn hộ, phù hợp với tỷ lệ trong hợp đồng giao khoán, tương ứng với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hoạt động xây lắp được tập hợp và ghi nhận tương ứng với doanh thu ghi nhận trong kỳ được xác định như sau:

Giá vốn trong năm = Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ + Chi phí phát sinh trong kỳ - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ.

Trong đó: Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ được xác định theo biên bản kiểm kê khối lượng dở dang cuối kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% cho các dịch vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Tiền</i>	<i>41.090.219.930</i>	<i>217.792.332.009</i>
Tiền mặt	2.260.470.836	1.731.493.220
Tiền gửi ngân hàng	38.829.749.094	216.060.838.789
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	<i>64.692.368.000</i>	<i>104.262.394.000</i>
Cộng	105.782.587.930	322.054.726.009

2. Phải thu khách hàng

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>185.572.678.131</i>	-	<i>203.138.019.384</i>	-
Bệnh viện Chợ Rẫy - Trung tâm Ung Bướu	32.665.487.972	-	57.080.299.795	-
Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	24.133.873.000	-	13.357.655.000	-
Bệnh viện Bệnh nhiệt đới trung ương	15.220.837.000	-	-	-
Trường Đại học Y tế công cộng	13.272.322.000	-	3.572.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	13.228.781.986	-	31.272.887.713	-
Các đối tượng khác	87.051.376.173	-	97.855.176.876	-
<i>b) Dài hạn</i>	<i>145.165.493</i>	<i>145.165.493</i>	<i>145.165.493</i>	<i>145.165.493</i>
Tổng Công ty Licogi	145.165.493	145.165.493	145.165.493	145.165.493
Cộng	185.717.843.624	145.165.493	203.283.184.877	145.165.493

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty Liên doanh Sunjin Việt Nam	2.495.419.000	639.787.000
Công ty CP Nước và Xây dựng Đường Thành	553.884.000	-
Bùi Huy Long	52.736.542	200.538.090
Trương Trung Nghĩa	50.220.548	5.785.175.540
Các đối tượng khác	2.838.450.398	6.341.311.847
Cộng	5.990.710.488	12.966.812.477

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	32.500.500.000	28.741.894.721	32.500.500.000	28.741.894.721
Đầu tư vào công ty liên kết	26.300.000.000	22.541.394.721	26.300.000.000	22.541.394.721
Công ty CP Sông đáy Hồng Hà Dầu Khí (1)	26.300.000.000	22.541.394.721	26.300.000.000	22.541.394.721
Đầu tư dài hạn khác	6.200.500.000	6.200.500.000	6.200.500.000	6.200.500.000
Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào (2)	4.200.500.000	4.200.500.000	4.200.500.000	4.200.500.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh (3)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	32.500.500.000	28.741.894.721	32.500.500.000	28.741.894.721

Chi tiết khoản đầu tư**(1) Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí**

	31/12/2016		01/01/2016	
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	43,83	%	43,83	%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	43,83	%	43,83	%

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: Cụm công nghiệp Hà Mãn - Trí Quả, xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các loại gạch trung áp.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí: cung cấp gạch trung áp các loại.

Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng. Tại thời điểm 31/12/2016, khoản trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí là 3.721.124.388 đồng.

(2) Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào

	31/12/2016		01/01/2016	
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	19,05	%	19,05	%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	19,05	%	19,05	%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: Số 96 Hà Huy Tập, thành phố Vinh, Nghệ An. Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng. Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty chưa xem xét việc trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính vào Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào. Do đó, giá trị hợp lý được ghi nhận bằng giá gốc.

(3) Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh

	31/12/2016	01/01/2016
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	9,98 %	9,98 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	9,98 %	9,98 %

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: Số 35 Bến Tàu, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh. Công ty hoạt động trong lĩnh vực Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh: nhận cổ tức.

Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng. Tại thời điểm 31/12/2016, Báo cáo tài chính của Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh có lãi nên Công ty không phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

5. Phải thu về cho vay

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty Kinh doanh tổng hợp Việt Lào (1)	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000
Công ty CP Sông đáy Hồng Hà Dầu khí (2)	1.300.000.000	-	800.000.000	-
Cộng	56.300.000.000	55.000.000.000	55.800.000.000	55.000.000.000

(1) Là khoản Công ty cho Công ty Kinh doanh tổng hợp Việt Lào vay theo Hợp đồng cho vay vốn số 01/2009/VL-HHDK với thời hạn vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012.

(2) Là khoản Công ty cho Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí vay theo Hợp đồng vay vốn ngày 24/7/2015, mức cho vay tối đa là 2 tỷ đồng, số tiền vay theo từng lần nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 6 tháng đối với mỗi lần nhận nợ, lãi suất 9%/năm.

b) Phải thu về cho vay là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số VIII.2

6. Phải thu khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	41.856.310.806	6.025.555.900	53.624.136.720	6.025.555.900
Tổng Công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam (1)	3.436.929.990	-	3.436.929.990	-
Công ty Kinh doanh tổng hợp Việt Lào	6.025.555.900	6.025.555.900	6.025.555.900	6.025.555.900
Công ty CP phát triển Tân Việt (2)	5.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Phong Thịnh (3)	11.347.160.000	-	11.347.160.000	-
Tạm ứng	293.801.500	-	253.254.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	683.652.715	-	6.629.057.652	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân	-	-	3.336.596.502	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây	683.652.715	-	3.292.461.150	-
Phải thu khác	15.069.210.701		25.932.179.178	-
b) Dài hạn	404.500.000	(390.000.000)	404.500.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	390.000.000	(390.000.000)	390.000.000	-
Các đối tượng khác	14.500.000	-	14.500.000	-
Cộng	42.260.810.806	5.635.555.900	54.028.636.720	6.025.555.900

(1) Là phần lợi nhuận cố định phải chia theo hợp đồng của Dự án Nguyễn An Ninh - Vũng Tàu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 122/2009/BCC-PVC HH ngày 02/06/2009 giữa Công ty và Tổng Công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam.

(2) Là khoản phải thu theo thỏa thuận liên doanh ba bên giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam, Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí và Công ty Cổ phần Phát triển Tân Việt về việc mua lại Dự án Khu nhà ở Ao trũng tại phường Long Biên, Hà Nội theo Biên bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp thực hiện Dự án đầu tư ngày 9/11/2016.

(3) Là khoản đặt cọc giá trị hợp đồng Dây truyền tuyến nối quãng đồng cho Công ty TNHH Phong Thịnh số 09/2010 ngày 08/09/2010; Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011; Phụ lục hợp đồng 02 ngày 22/03/2011, chưa được thực hiện theo tiến độ ghi trong hợp đồng (nhà máy đặt tại bản Poonglak, huyện Kasi, tỉnh Viêng Chăn, nước Cộng hòa DCND Lào).

7. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu khách hàng	61.560.721.393	-	61.560.721.393	390.000.000
Công ty Kinh doanh tổng hợp Việt Lào	61.025.555.900	-	61.025.555.900	-
Công ty Knight Frank	390.000.000	-	390.000.000	390.000.000
Tổng công ty Licogi	145.165.493	-	145.165.493	-
Cộng	61.560.721.393	-	61.560.721.393	390.000.000

8. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.900.700.357	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	9.086.363	-	25.006.818	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	114.720.273.233	-	317.094.829.338	-
Cộng	116.630.059.953	-	317.119.836.156	-

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2016	4.944.416.927	30.835.923.243	11.439.218.778	396.880.749	47.616.439.697
Mua trong năm	-	-	948.443.636	-	948.443.636
Thanh lý, nhượng bán	-	(847.626.059)	(171.451.467)	-	(1.019.077.526)
Giảm khác	-	(3.076.325.579)	-	-	(3.076.325.579)
Số dư ngày 31/12/2016	4.944.416.927	26.911.971.605	12.216.210.947	396.880.749	44.469.480.228
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2016	2.687.174.233	17.313.613.278	3.060.984.970	395.694.976	23.457.467.457
Khấu hao trong năm	419.384.010	4.146.087.779	1.541.658.489	1.185.773	6.108.316.051
Thanh lý, nhượng bán	-	(281.370.312)	(171.451.467)	-	(452.821.779)
Giảm khác	-	(3.670.964.913)	-	-	(3.670.964.913)
Số dư ngày 31/12/2016	3.106.558.243	17.507.365.832	4.431.191.992	396.880.749	25.441.996.816
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2016	2.257.242.694	13.522.309.965	8.378.233.808	1.185.773	24.158.972.240
Tại ngày 31/12/2016	1.837.858.684	9.404.605.773	7.785.018.955	-	19.027.483.412

- Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là: 7.253.610.875 VND.

Như trình bày tại Thuyết minh số V.13, Công ty đã thế chấp tài sản là xe ô tô Mercedes-benz trị giá 1,571 tỷ đồng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.421.520.782 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2016
Nguyên giá	1.800.459.500	-	(919.092.000)	881.367.500
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-	-
Giá trị quyền sử dụng đất	1.800.459.500	-	(919.092.000)	881.367.500
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-	-
Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	1.800.459.500	-	-	881.367.500
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-	-
Giá trị quyền sử dụng đất	1.800.459.500	-	-	881.367.500

- Nguyên giá BĐS đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND.

11. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</i>		
Dự án cao ốc Văn phòng 407 Nguyễn An Ninh	3.112.934.951	2.925.525.563
Dự án Khu đô thị mới Tứ Hiệp	151.618.305.284	154.439.474.532
Cộng	154.731.240.235	157.365.000.095

12. Chi phí trả trước

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	125.102.887	129.162.697
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	93.669.713	129.162.697
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	31.433.174	-
b) Dài hạn	33.246.767.119	39.716.964.210
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	735.517.119	1.205.714.210
Khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN (*)	32.511.250.000	38.511.250.000
Cộng	33.371.870.006	39.846.126.907

(*) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam số 10/2015/BB-HĐQT ngày 25/12/2015, Công ty xác định khoản thanh toán số tiền 77.022.500.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23/06/2010 giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam) và Ông Nguyễn Tất Lạc là một khoản tổn thất. Khoản tổn thất này được ghi nhận và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty từ năm 2015. Số phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 2015 số tiền 38.511.250.000 đồng, năm 2016 số tiền 6.000.000.000 đồng. Số tiền còn lại được Công ty ghi nhận là khoản chi phí trả trước dài hạn chờ phân bổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

13. Vay và nợ thuê Tài chính

Đơn vị tính: VND

Các khoản vay	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	52.091.491.449	52.091.491.449	211.550.970.908	211.394.216.727	51.934.737.268	51.934.737.268
Công ty CP Hồng Hà Việt Nam						
Ngân hàng TMCP INDOVINA - CN Thiên Long	11.915.000	11.915.000	5.396.933.738	11.326.989.578	5.941.970.840	5.941.970.840
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội (1)	5.400.000.000	5.400.000.000	68.334.490.041	98.661.831.564	35.727.341.523	35.727.341.523
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân (2)	45.771.176.449	45.771.176.449	136.911.147.129	99.405.395.585	8.265.424.905	8.265.424.905
Công ty Cổ phần Cửa Hoa Kỳ						
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Nguyễn Thúy Hoàn	908.400.000	908.400.000	908.400.000	-	-	-
b) Vay dài hạn	2.960.325.000	2.960.325.000	-	95.071.357.391	98.031.682.391	98.031.682.391
Công ty CP Hồng Hà Việt Nam						
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân (3)	2.773.225.000	2.773.225.000	-	1.198.100.000	3.971.325.000	3.971.325.000
Công ty CP Tứ hiệp Hồng Hà Dầu Khí						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	-	92.498.657.391	92.498.657.391	92.498.657.391
Công ty Cổ phần Cửa Hoa Kỳ						
Ngân hàng TMCP Quân đội	187.100.000	187.100.000	-	184.600.000	371.700.000	371.700.000
Nguyễn Thúy Hoàn	-	-	-	1.190.000.000	1.190.000.000	1.190.000.000
Cộng	55.051.816.449	55.051.816.449	211.550.970.908	306.465.574.118	149.966.419.659	149.966.419.659

(1) Khoản vay theo Thông báo cấp tín dụng ngày 25/11/2016, hạn mức cho vay là 150 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 30/09/2017, thời hạn cho vay tối đa cho mỗi khoản vay không quá 6 tháng, lãi suất cụ thể theo từng lần cho vay. Mục đích vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

(2) Khoản vay theo Thông báo hạn mức tín dụng ngày 25/5/2016, hạn mức cho vay là 180 tỷ, thời hạn duy trì hạn mức đến 24/8/2017, thời hạn tối đa cho mỗi khoản vay là 9 tháng, lãi suất theo quy định tại từng thời điểm giải ngân. Mục đích vay là phục vụ hoạt động xây lắp của Công ty. Tài sản đảm bảo khoản vay là xe ô tô Mercedes-benz trị giá 1,571 tỷ đồng, 8.158.000 cổ phiếu tại Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí, giá trị được định giá là 81,58 tỷ đồng, giá trị sản lượng dở dang và quyền đòi nợ từ các công trình do MB tài trợ.

(3) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 213.15.003.5466.TD ngày 03/03/2015. Hạn mức cho vay 14.073.000.000 đồng. Mục đích vay phát hành bảo lãnh thanh toán, mở LC, cho vay để khách hàng mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất theo quy định của từng khoản vay.

14. Phải trả người bán

	31/12/2016 VND		01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Nguyễn Sơn Cương	7.349.521.887	7.349.521.887	19.790.700.438	19.790.700.438
Lê Quốc Tuấn	17.613.082.921	17.613.082.921	15.004.298.326	15.004.298.326
Lưu Hoàng Long	3.731.038.288	3.731.038.288	15.589.770.585	15.589.770.585
Lê Văn Hùng	12.556.413.536	12.556.413.536	3.380.240.298	3.380.240.298
Trương Trung Nghĩa	39.107.410.315	39.107.410.315	103.019.160.615	103.019.160.615
Phạm Sỹ Tồn	4.767.105.800	4.767.105.800	10.041.637.783	10.041.637.783
Cao Tiến Hưng	17.092.504.260	17.092.504.260	-	-
Các đối tượng khác	110.600.714.627	110.600.714.627	158.893.538.761	158.893.538.761
Cộng	212.817.791.634	212.817.791.634	325.719.346.806	325.719.346.806

15. Người mua trả tiền trước

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Bệnh viện Việt Đức	18.505.567.300	97.217.975.000
Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	83.942.000	83.942.000
Bệnh viện K	791.568.893	-
Các đối tượng khác	4.754.842.762	172.801.951.337
Cộng	24.135.920.955	270.103.868.337

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiêu	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2016	01/01/2016
Phải nộp		
Thuế GTGT đầu ra	4.314.015.212	4.696.398.727
Thuế TNDN	2.374.547.186	1.597.122.321
Thuế Thu nhập cá nhân	234.050.790	391.986.732
Cộng	6.922.613.188	6.685.507.780
Phải thu		
Thuế TNDN	-	2.566.884.439
Thuế Thu nhập cá nhân	50.345.764	49.871.666
Cộng	50.345.764	2.616.756.105

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. Chi phí phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Trích trước chi phí công trình	670.264.243	18.230.322.866
Trích trước giá vốn bất động sản đã bán	34.052.181.059	49.985.975.596
Chi phí khác	-	2.222.602.983
Cộng	34.722.445.302	70.438.901.445

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Kinh phí công đoàn	248.989.480	185.142.560
Phải trả, phải nộp khác	48.220.247.133	39.431.231.218
Công ty TNHH Hồng Hà Thành Công	200.012.008	147.074.738
Phí bảo trì chung cư	12.322.184.000	-
Công ty CP TH Thăng Long	32.782.527.000	24.782.527.000
Các đối tượng khác	2.915.524.125	14.501.629.480
Cộng	48.469.236.613	39.616.373.778

19. Vốn chủ sở hữu

19.1 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***19. Vốn chủ sở hữu****19.2 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2015	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.080.016.072)	(18.182.323.149)	220.434.435.279
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	(9.286.546)	17.689.815.631	17.680.529.085
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(4.892.260.961)	(4.892.260.961)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(3.758.605.279)	(3.758.605.279)
Số dư ngày 31/12/2015	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.089.302.618)	(9.143.373.758)	229.464.098.124
Lãi trong năm này	-	-	-	14.249.369.772	14.249.369.772
Tăng khác	-	-	(9.130.791)	-	(9.130.791)
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Chuyển lợi nhuận tăng vốn	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(11.524.389.185)	(11.524.389.185)
Số dư ngày 31/12/2016	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.098.433.409)	(6.418.393.171)	232.179.947.920

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19.3 Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	1.900.000	1.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.900.000	1.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.100.000	18.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.100.000	18.100.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

19.4 Các quỹ của doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2016
Quỹ đầu tư phát triển	25.183.653.303	-	-	25.183.653.303
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.232.251.900	-	-	4.232.251.900
Cộng	29.415.905.203	-	-	29.415.905.203

(*) Mục đích trích lập quỹ:

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	204.181.384	604.021.550
Doanh thu hợp đồng xây dựng	489.707.556.092	675.210.007.509
Doanh thu kinh doanh bất động sản	258.826.311.291	341.646.831.060
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.143.845.168	1.139.509.092
Cộng	757.881.893.935	1.018.600.369.211

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Hàng bán bị trả lại	4.422.034.763	-
Cộng	4.422.034.763	-

3. Doanh thu thuần bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng hóa	204.181.384	604.021.550
Doanh thu hợp đồng xây dựng	489.707.556.092	675.210.007.509
Doanh thu kinh doanh bất động sản	254.404.276.528	341.646.831.060
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.143.845.168	1.139.509.092
Cộng	753.459.859.172	1.018.600.369.211

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. Giá vốn bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn bán hàng hóa	17.050.000	350.482.430
Giá vốn hợp đồng xây dựng	451.084.987.310	600.136.211.208
Giá vốn kinh doanh bất động sản	233.201.438.231	311.268.161.454
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	7.040.482.366	1.137.330.647
Cộng	691.343.957.907	912.892.185.739

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.856.566.356	5.937.311.723
Cổ tức, lợi nhuận được chia	150.000.000	149.901.000
Cộng	5.006.566.356	6.087.212.723

6. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	2.323.635.032	6.840.417.592
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.178.061	19.698.833
Cộng	2.329.813.093	6.860.116.425

7. Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	6.825.353	1.145.454.546
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	400.000	292.048.000
Thu phạt người lao động làm mất tài sản cố định	347.943.380	-
Các khoản thu nhập khác	3.488.732.008	9.446.349.906
Cộng	3.843.900.741	10.883.852.452

8. Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá trị còn lại của Tài sản cố định	-	5.968.935.181
Giá trị còn lại của TSCĐ bị mất	73.081.100	-
Chi phí nộp phạt	56.220	1.461.845.512
Các khoản khác	88.220.197	396.169.136
Cộng	161.357.517	7.826.949.829

9. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	46.848.794.953	98.789.798.811
Chi phí nhân viên quản lý	17.720.210.212	14.016.412.245
Chi phí vật liệu quản lý	265.444.146	7.691.761.376
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.241.135.782	453.870.172
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.322.020.273	3.467.958
Chi phí tổn thất của Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN	6.000.000.000	38.511.250.000
Lợi thế thương mại	4.525.000.000	4.525.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.414.158.019	9.166.214.070
Chi phí bằng tiền khác	5.360.826.521	24.421.822.989
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	291.174.870	404.742.536
Chi phí dịch vụ mua ngoài	291.174.870	404.742.536
Cộng	47.139.969.823	99.194.541.347

Mẫu số B 09 - DN /HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên, vật liệu	428.493.318.137	724.909.786.792
Chi phí nhân công	90.557.912.736	131.453.567.653
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.108.316.051	4.331.678.028
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.579.840.277	29.218.703.460
Chi phí khác bằng tiền	61.167.804.486	129.521.503.728
Cộng	604.907.191.687	1.019.435.239.661

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	6.958.108.770	3.897.968.026
Trong đó:		
Công ty CP Hồng Hà Việt Nam	4.170.933.374	-
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	303.619.020	558.313.248
Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	2.483.556.376	3.124.694.006
Công ty CP Cửa Hoa Kỳ	-	163.616.114
Công ty TNHH Xây Lắp Hồng Hà Sài Gòn	-	51.344.658

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.249.369.772	(4.892.260.961)
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.249.369.772	(4.892.260.961)
+ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	965.658.454	870.003.672
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.100.000	18.100.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	733,91	(318,36)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Số tiền đi vay thực thu trong năm:		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	211.550.970.908	591.421.319.309
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	306.465.574.118	572.318.810.620

VIII. Những thông tin khác

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty CP Sông đáy Hồng Hà Dầu Khí

Mối quan hệ

Công ty liên kết

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2.1. Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Mua hàng	297.043.708	8.716.330.260
Công ty CP Sông đầy Hồng Hà Dầu Khí	297.043.708	8.716.330.260

2.2. Số dư các bên liên quan

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu về cho vay	1.300.000.000	800.000.000
Công ty CP Sông đầy Hồng Hà Dầu Khí	1.300.000.000	800.000.000
Phải thu khác	25.175.000	6.200.000
Công ty CP Sông đầy Hồng Hà Dầu Khí	25.175.000	6.200.000

2.3. Thu nhập của Ban Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lương và các khoản phụ cấp	1.957.362.000	2.074.595.000
Cộng	1.957.362.000	2.074.595.000

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K, trong đó, một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán đã được phân loại, trình bày lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp cho phù hợp với số liệu so sánh của kỳ này. Chi tiết số liệu được phân loại, trình bày lại như sau:

		31/12/2015	
Chỉ tiêu	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	55.800.000.000	55.800.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	109.424.136.720	(55.800.000.000)	53.624.136.720

Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Hoa Vinh



Lê Hoài Thu



Phạm Thị Cẩm Anh